

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Luật Thú y năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tại Văn bản số 1129/BNN-TY ngày 17/02/2025 về việc báo cáo tổng kết thi hành Luật Thú y năm 2015;

UBND tỉnh Bình Định đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, tổng hợp báo cáo theo đề cương hướng dẫn. UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Thú y trên địa bàn tỉnh với nội dung như sau:

A. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật thú y:

- Tổng số văn bản QPPL thuộc thẩm quyền cấp tỉnh ban hành để thi hành Luật Thú y (Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh): 51 văn bản.
- Các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật đã ban hành thuộc thẩm quyền: 0.

(Có Phụ lục I đính kèm)

2. Tổ chức triển khai thực hiện và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thú y:

- Tổng số Hội nghị triển khai Luật Thú y năm 2015 và văn bản hướng dẫn thi hành cấp tỉnh: 05 lần.
- Tổng số người tham dự: 608 người.
- Số lượng tờ rơi, sách, báo in ấn tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thú y: 14.830 tờ, quyển.

B. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phần I. PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

1. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho động vật nói chung:

- Tổng số kinh phí bố trí cho kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật (ngân sách địa phương của nhà nước): 119.101 triệu đồng; Kinh phí của người chăn nuôi đầu tư cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật: Chưa thống kê được.

- Trang thiết bị, phục vụ cho chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật: Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp tục thực hiện duy trì hệ thống xét nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2017 đối với 3 bệnh thủy sản bằng phương pháp Realtime-PCR là: Bệnh đốm trắng trên tôm, bệnh Hoại tử gan tụy cấp trên tôm, bệnh Hoại tử cơ quan tạo máu trên tôm và 02 bệnh trên cạn là: định lượng kháng thể cúm gia cầm và Newcastle gia cầm bằng phương pháp HI, hoạt động từ năm 2016 đến nay.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm; số trang trại, gia trại, chăn nuôi nhỏ lẻ; tỷ lệ %; Tổng đàn qua các năm (từ 2016 đến năm 2024) được thể hiện trong Phụ lục III (gửi kèm theo).

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản (ao, lồng, bè,...): khoảng 3.800 m² từ năm 2016 tăng lên khoảng 4.200 m² năm 2024.

- Tổng số hóa chất được sử dụng trong phòng, chống dịch bệnh động vật (lít/kg): 70.500 lít các loại thuốc sát trùng.

(Có Phụ lục III đính kèm)

2. Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn:

- Tổng số động vật được tiêm phòng bệnh bắt buộc các bệnh theo quy định: 3 triệu con năm 2016 tăng khoảng 8 triệu con năm tính theo tỷ lệ khoảng hơn 70% tổng đàn.

- Tổng số cơ sở, vùng đã được chứng nhận An toàn dịch bệnh (gia súc, gia cầm, thủy sản): 69 cơ sở.

- Tổng số lấy mẫu tham gia chương trình giám sát chủ động/bị động: 11.066 mẫu.

- Chương trình khống chế thanh toán dịch bệnh động vật (số lượng, kinh phí,...): Không.

- Tổ chức phòng, chống bệnh truyền lây giữa động vật và người: luôn được quan tâm, chỉ đạo và điều tra dịch tễ giám sát dịch bệnh kịp thời. Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin, tuyên truyền, tập huấn các bệnh từ động vật lây sang người.

- Tổng số lượt huyện, xã có dịch bệnh động vật: 257 xã /35 (huyện, thị xã và thành phố).

- Tổng số Quyết định công bố dịch bệnh động vật của cơ quan cấp tỉnh ban hành: 02.

- Tổng số Quyết định công bố dịch bệnh động vật của cơ quan cấp huyện ban hành: 03.

- Tổng số gia súc bệnh chết, tiêu hủy (con/kg): 33.084 con/1.981.311 kg.

- Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh: 33.084 con.

- Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh: 1.981.311 kg

- Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng): 163.563 triệu đồng.

(Có Phụ lục III và IV đính kèm)

3. Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản:

- Kết quả công tác quy hoạch, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản: 02 cơ sở đã được chứng nhận an toàn dịch bệnh thủy sản.

- Kinh phí, nguồn lực của tỉnh cho công tác phòng chống, giám sát dịch bệnh thủy sản: Trung bình 100 triệu đồng/năm.

- Tích cực thực hiện công tác giám sát hoạt động nhập, xuất con giống, thức ăn chăn nuôi; quan trắc, cảnh báo môi trường và hướng dẫn xử lý chất thải, nước thải phát sinh trong quá trình nuôi trồng thủy sản tại các vùng nuôi.

- Tổng số loại vắc xin phòng bệnh cho động vật thủy sản nuôi: Người nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh chưa áp dụng vắc xin phòng bệnh trên các đối tượng nuôi thủy sản.

- Tổng số lấy mẫu tham gia chương trình giám sát chủ động, bị động: 83.409 mẫu.

- Tổng số lượt xã, lượt huyện có dịch bệnh động vật thủy sản: 52 lượt xã/32 lượt huyện.

- Tổng số Quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản của cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh: 0.

- Thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh thủy sản gây ra:

+ Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại: 1.664.050 m².

+ Số lượng/diện tích/kinh phí đã hỗ trợ để khôi phục nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh, quy đổi ra giá trị hỗ trợ....): 0.

+ Tổng thiệt hại ước tính (triệu đồng): 28.801,630 triệu đồng.

(Có Phụ lục III và V đính kèm)

Phần II. KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT TỈNH; KIỂM SOÁT GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN; KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

1. Công tác Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:

- Tổng số động vật, sản phẩm động vật xuất tỉnh, được kiểm dịch (con/kg):

+ Trâu, bò để thịt: 180.907 con.

+ Trâu, bò để làm giống: 1.882 con.

+ Lợn thịt: 5.456.580 con.

+ Heo con thịt: 2.871.314 con.

+ Lợn để làm giống: 404.126 con.

+ Gà thịt: 10.882.664 con.

+ Gà đẻ làm giống: 347.391.297 con.

+ Vịt thịt: 3.731.719 con.

+ Tôm Post: 40.466.634.916 con.

+ Tôm Nauplius: 33.906.682.229 con.

+ Số lượng sản phẩm được kiểm dịch (kg/quả): Thịt lợn: 6.704.155,5 kg. Thịt vịt: 1.598.585,9 kg. Dăm bông, xúc xích, lạp xưởng,... 381.440,2 kg. Sữa (Sữa bò Vinamilk) 35.901.505,2 kg.

- Tổng số Giấy chứng nhận kiểm dịch đã cấp:

+ Kiểm dịch động vật: 163.108 giấy.

+ Kiểm dịch sản phẩm động vật: 5.436 giấy.

+ Kiểm dịch thủy sản: 53.336 giấy.

- Số lượng cơ sở thu gom kinh doanh trên địa bàn/cơ sở chăn nuôi được giám sát dịch bệnh động vật/cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh động vật: 15 cơ sở chăn nuôi và 12 điểm thu gom trên địa bàn toàn tỉnh.

- Số lượng Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông được thành lập và đang hoạt động theo quy định tại Điều 40 Luật Thú y (có lực lượng liên ngành tham gia công an, quản lý thị trường,.../chỉ có lực lượng thú y tham gia): 01 Trạm Kiểm dịch động vật Cù Mông. Tuy nhiên, chỉ có lực lượng liên ngành tham gia (CSGT) khi tỉnh có công bố phòng, chống dịch bệnh động vật (năm 2019 và đầu năm 2020).

- Số vụ việc được phát hiện qua công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. xử lý, tiêu hủy (con/kg):

+ Phát hiện 02 trường hợp, nhập 85 con heo thịt vào Bình Định, vi phạm: không khai báo với cơ quan thú y địa phương; không có địa chỉ lò mổ cụ thể; không giấy chứng nhận tiêm phòng LMLM; không có phiếu kết quả xét nghiệm; không có giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

Xử lý: không cho nhập heo vào Bình Định, tiêu độc sát trùng phương tiện vận chuyển và chuyển trả toàn bộ 85 con heo thịt về nơi xuất phát, Quảng Trị (55 con heo thịt) và Quảng Ngãi (20 con heo thịt), sau đó điện thoại thông báo với các Trạm kiểm dịch động vật trên quốc lộ, kết quả 02 xe vận chuyển heo nêu trên đã về đến nơi xuất phát.

+ Phát hiện 09 trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, cụ thể các lỗi vi phạm: Trốn tránh việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tại các trạm kiểm dịch đầu mối giao thông trên tuyến đường đi; Không có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật bằng phương tiện không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y.

Xử lý: phạt tiền 26.750.000 đồng và buộc kiểm dịch lại động vật (gà thịt).

- Tổng số công chức, viên chức làm công tác kiểm dịch được cấp thẻ kiểm dịch: 08 người.

(Có Phụ lục VI và XII đính kèm)

2. Công tác kiểm soát giết mổ; sơ chế, chế biến sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y:

a) Kiểm soát giết mổ; kiểm tra vệ sinh thú y:

- Tổng số gia súc, gia cầm được kiểm soát giết mổ: 3.766.949 con tại cơ sở giết mổ tập trung và 2.842.929 con tại các cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ.

- Tổng số cơ sở giết mổ tập trung: 06 cơ sở; Tổng số cơ sở giết mổ nhỏ lẻ được kiểm soát: 535 cơ sở.

- Tổng số nhân viên Trung tâm Nông nghiệp hợp đồng để thực hiện kiểm soát giết mổ: 28 người.

- Tổng số cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật, phẫu thuật động vật đã được kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y và hoạt động: 9 cơ sở.

- Tổng số Giấy chứng nhận vệ sinh thú y đã cấp đối với cơ sở giết mổ tập trung/nhỏ lẻ/sơ chế/chế biến (tỷ lệ %): Cấp Giấy Chứng nhận An toàn thực phẩm

(Có Phụ lục VII đính kèm)

b) Giám sát vệ sinh thú y:

- Tổng số mẫu được lấy để giám sát chất độc, tồn dư, kháng sinh, vi khuẩn gây hại, chất cấm (Salbutamol): Giai đoạn từ ngày 01/07/2016 đến năm 2020 là 2.386 mẫu và giai đoạn 2021-2024 là 1.223 mẫu.

- Tỷ lệ phát hiện chất cấm, vi khuẩn gây hại thông qua việc giám sát vệ sinh thú y (tỷ lệ phát hiện %): Không phát hiện mẫu dương tính.

- Tỷ lệ phát hiện tồn dư hoá chất, kháng sinh thông qua việc giám sát vệ sinh thú y (tỷ lệ phát hiện %): giai đoạn 01/07/2016 đến 2020 là 2% và giai đoạn 2021-2024 là 6,5%.

(Có Phụ lục VIII đính kèm)

Phần III. QUẢN LÝ THUỐC THÚ Y VÀ HÀNH NGHỀ THÚ Y

1. Công tác quản lý thuốc thú y:

- Tổng số cơ sở buôn bán thuốc thú y: 236 (số hiện tại, do một số cửa hàng nghỉ hoạt động).

- Tổng số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y: 280 cơ sở.

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm: 66; Số tiền/xử lý thu hồi/tiêu hủy thuốc thú y: 408.450.000 đồng.

(Có Phụ lục IX và XI đính kèm)

2. Quản lý hành nghề thú y:

- Số Chứng chỉ hành nghề thú y đã cấp (tiêm phòng, chẩn đoán, xét nghiệm, phẫu thuật bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y, ...): 543 giấy.

- Số chứng chỉ hành nghề vi phạm bị phát hiện và thu hồi: 0.

(Có Phụ lục X đính kèm)

Phần IV. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

- Tổng số các cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất (liên ngành, hoặc do cơ quan Thú y/nông nghiệp chủ trì): 72 cuộc, trong đó có 71 cuộc theo kế hoạch và 01 cuộc đột xuất.
- Tổng số vụ vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra: 155 vụ.
- Tổng số tiền xử phạt hành chính được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thực thi nhiệm vụ công vụ trên các lĩnh vực (Phòng, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc, hành nghề thú y, an toàn thực phẩm): 672.950.000 đồng.
- Tổng số vụ phát hiện phải xử lý hình sự (nếu có): Không.

(Có Phụ lục XI đính kèm)

Phần V. BÁO CÁO VỀ TỔ CHỨC HỆ THỐNG NGÀNH THÚ Y

Hệ thống thú y tỉnh Bình Định hiện nay:

- Cấp tỉnh: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.
 - + Ban lãnh đạo: 01 Phó Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng (hiện tại có 01 Phó Chi cục trưởng);
 - + Cơ cấu tổ chức: Có 03 phòng (Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Chăn nuôi, Phòng Thú y) và 03 Trạm (Trạm Kiểm dịch động vật Cù Mông, Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật, Trạm Vật tư thuốc thú y). Trạm Vật tư thuốc thú y tự trang trải, không thuộc quỹ biên chế của Chi cục và đang ngừng hoạt động, chờ giải thể).
 - + Tổng biên chế Chi cục giao năm 2025: 18 Công chức, 16 Viên chức và 02 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Hiện tại có mặt: 15 Công chức, 15 viên chức và 02 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (do nghỉ hưu và nghỉ việc theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ)
- Cấp huyện: có 11 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện (Thành lập theo Nghị quyết số 19/2017-NQ/TW) trực thuộc UBND cấp huyện.
- Cấp xã: Có 145 xã được bố trí nhân viên thú y cấp xã trực thuộc UBND cấp xã được hưởng phụ cấp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh (ngân sách tỉnh cấp).
- Tổng số: Công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh là 30 người, cấp huyện là 47 người và 145 nhân viên thú y cấp xã hoặc hợp đồng chuyên trách.

(Có Phụ lục XII đính kèm)

VI. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI BẤT CẬP

- Sau khi hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ

thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Sở Nông nghiệp và PTNT) và Trạm Khuyến nông thuộc UBND cấp huyện hình thành Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND cấp huyện, hệ thống thú y cấp huyện bị đứt gãy, đã phát sinh một số khó khăn, bất cập trong công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, quản lý thuốc thú y và huy động lực lượng chống dịch tại các địa phương.

- Hoạt động Kiểm dịch động vật vận chuyển xuất huyện không còn thực hiện, gây khó khăn cho công tác kiểm tra xác định nguồn gốc, kiểm soát dịch bệnh tại các địa phương.

VII. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, tháo gỡ một số khó khăn, giúp địa phương thuận lợi trong công tác tổ chức, triển khai.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I

VĂN BẢN DO CƠ QUAN ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH TỪ NGÀY 01/7/2016 ĐẾN 31/12/2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	6 tháng cuối năm 2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Văn bản HĐND tỉnh	1		2	0	1	0	0	1	1
Quyết định UBND tỉnh	2	3	7	3	7	4	6	10	3
Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	3	3	9	3	8	4	6	11	4

Phụ lục II
HỘI NGHỊ TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN LUẬT THÚ Y TỪ NGÀY 01/7/2016 ĐẾN 31/12/2024
(kèm theo Báo cáo số ngày/...../.....2025 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Năm	hội thảo, tập huấn đào tạo, cuộc thi	Phát thanh xã phường	Truyền hình	Pa nô /áp phích/ Quyển	Tờ rơi	Số người tham dự	Ghi chú
1	6 tháng cuối năm 2016			6	0	0	0	
2	2017	2	45	10	0	0	105	
3	2018		57	14	0	0		
4	2019		97	26	0	0		
5	2020		89	25	0	1200		
6	2021		110	32	300	8000		
7	2022		113	20	0	0		
8	2023	3	145	26	1480	1400	358	
9	2024	2	145	28	170	2280	145	
Tổng cộng		7	801	181	1950	12880	608	

Phụ lục III
CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT NÓI CHUNG
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung		Năm								
			6 tháng cuối năm2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Tổng số kinh phí nhà nước bố trí để thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh động vật (triệu đồng)		513,13	14.094	11.417	16.183	16.791	17.994	10.753	13.699	17.657
2	Tổng đàn gia súc	Trâu , bò (con)	322.852	315.440	309.901	310.422	314.342	315.867	320.827	323.828	322.090
		Lợn (con)	851.069	685.373	740.037	593.700	666.870	658.872	663.891	686.236	721.227
		Đê (con)	11.106	13.492	14.696	14.265	15.490	16.025	17.640	16.350	16.100
		Chó, mèo (con)	218.002	200.733	202.070	183.840	182.166	175.698	160.639	162.250	165.000
		Gia súc khác (con)	2.100	2.700	2.752	2.852	2.987	3.027	2.453	2.440	2.400
3	Tổng đàn gia cầm	Gà (con)	4.789.612	4.987.541	5.279.070	6.234.020	6.535.830	6.825.790	7.174.000	8.485.600	8.243.600
		Vịt, ngan, ngỗng (con)	1.913.629	1.845.291	2.051.215	1.973.280	1.982.340	1.955.400	1.856.500	1.579.400	1.564.100
		Gia cầm khác (con)	272.940	267.050	315.750	278.950	274.280	277.400	284.100	284.250	284.500
4	Tổng số cơ sở chăn nuôi	Trang trại	114	103	103	101	1980	1980	1.985	1.990	2.000
		Gia trại	6.505	5.075	5.000	3.500	0	0	0	0	0
		Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ									
5	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản (hồ, ao, lồng, bè) (m2)			3.871,0	3.967,8	3.758,1	3.879,0	3.990,5	3.484,0	4.544,0	4.213,5
6	Tổng số hoá chất được sử dụng trong công tác phòng chống dịch bệnh động vật (lít/kg)		2.500 lít		5000 lít	15.000 lit	5.000 lít	15000 lit	10000	18.000 lít	
7	Tổng số Quyết định công bố dịch bệnh động vật do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh ban hành	Đối với dịch bệnh động vật trên cạn				1		1			
8	Tổng số Quyết định công bố dịch bệnh động vật do cơ quan có thẩm quyền cấp huyện ban hành	Đối với dịch bệnh động vật trên cạn						3			
9	Tổng số mẫu được lấy tham gia chương trình giám sát chủ động/bị động	Mẫu lấy từ động vật trên cạn	1595	1760	2033	2777	1407	244	366	427	457
		Mẫu lấy từ động vật thủy sản	474	8492	11075	23399	20083	19320	226	275	65
10	Số lượt xã có dịch	Đối với dịch bệnh động vật trên cạn	2	4	5	99	3	144	0	0	0
		Đối với dịch bệnh động vật thủy sản	7	8	9	2	6	6	9	2	3
11	Số lượt huyện có dịch	Đối với dịch bệnh động vật trên cạn	7	2	3	10	2	11	0	0	0
		Đối với dịch bệnh động vật thủy sản	3	4	4	2	5	4	5	2	3
12	Tổng số cơ sở, vùng được chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật	Đối với động vật trên cạn	6	2	26	25	0	2	3	1	1
		Đối với động vật thủy sản	0	0	0	0	1	1	0	0	0

Phụ lục IV
BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN TỪ 01/07-31/12/2016
(kèm theo Báo cáo số ngày/...../2025 của UBND tỉnh Bình Định)

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN TỪ 01/06-30/6/2016

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	2.002.762	30				
		Vịt, ngan, ngỗng						
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	258.051	89,95				
		Lợn giống	70.708	44,25				
		Đê						
		Gia súc khác						
3	Tai xanh	Lợn nái, lợn đực giống						
		Lợn thương phẩm						
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò						
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Đại động vật	Chó						
		Mèo						
6	Dịch tả cổ điển	Lợn	710.963	88,2				
Tổng:			3.042.484					

Ghi chú:
-Đối với các loại vaccine tiêm phòng cho heo đã xã hội hóa ; người chăn nuôi tự giác tiêm, nên số liệu không đầy đủ.
- Số liệu tiêm phòng cúm từ năm 2016 đến 2023 chỉ tổng hợp số liệu tiêm phòng từ nguồn kinh phí hỗ trợ; không tổng hợp số liệu các doanh nghiệp, trang trại. Đến năm 2024 mới tổng hợp số liệu tiêm phòng từ nguồn của nhà nước hỗ trợ và các doanh nghiệp, trang trại.

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2017

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	3.350.957	47				
		Vịt, ngan, ngỗng	2.873.258					
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	257.799	81,7				
		Lợn giống	60.254	43				
		Đê						
		Gia súc khác						
3	Tai xanh	Lợn nái, lợn đực giống						
		Lợn thương phẩm						
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò						
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Đại động vật	Chó						
		Mèo						
6	Dịch tả cổ điển	Lợn	356.927	52,2				
Tổng:								

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2018

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	2.177.035	43				
		Vịt, ngan, ngỗng	2.182.217					
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	249.957	80,7				
		Lợn	55.210					
		Đê						
3	Tai xanh	Gia súc khác						
		Lợn nái, lợn đực giống						
		Lợn thương phẩm						
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò						
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Đại động vật	Chó						
		Mèo						
	Các bệnh khác như: Dịch tả lợn cổ điển, Phó thương hàn, Đông dậu lợn, Lép tổ, Niu-cát-xon, Gumbolo...							
	Tổng:							

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2019

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	1.394.056	33				
		Vịt, ngan, ngỗng	1.316.839					
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	244.348	80,23				
		Lợn	50.922					
		Đê						
3	Tai xanh	Gia súc khác						
		Lợn nái, lợn đực giống						
		Lợn thương phẩm	3.600					
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò						
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Đại động vật	Chó						
		Mèo						
6	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn			29.252	1.511.330	120.906,400	57.424,792
	Các bệnh khác như: Dịch tả lợn cổ điển, Phó thương hàn, Đông dậu lợn, Lép tổ, Niu-cát-xon, Gumbolo...							
	Tổng:							

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2020

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	2.125.144	46				
		Vịt, ngan, ngỗng	1.570.424	75				
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	244.654	85,3				
		Lợn	50.941	12,5				
		Đê						
		Gia súc khác						
3	Tai xanh	Lợn nái, lợn đực giống						
		Lợn thương phẩm						
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò						
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn	5.849	97,48	56	1.819	100	62.275
6	Đại động vật	Chó						
		Mèo						
	Các bệnh khác như: Dịch tả lợn cổ điển, Phó thương hàn, Đông dậu lợn, Lép tổ, Niu-cát-xon, Gumbolo...							
	Tổng:							

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2021

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	1.350.097	31				
		Vịt, ngan, ngỗng	1.270.508	64				
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	247.946	84				
		Lợn	6.867	2				
		Đê						
		Gia súc khác						
3	Tai xanh	Lợn nái, lợn đực giống						
		Lợn thương phẩm						
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò						
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn	3.861	89,1	256		450	
6	Viêm da nổi cục	Trâu, bò	243.476	82,48	3447	465318	41.879	
7	Đại động vật	Chó						
		Mèo						
	Các bệnh khác như: Dịch tả lợn cổ điển, Phó thương hàn, Đông dậu lợn, Lép tổ, Niu-cát-xon, Gumbolo...							
	Tổng:							

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2022

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	1.534.419	32				
		Vịt, ngan, ngỗng	1.614.556	68				
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	250.655	87				
		Lợn						
		Đê						
3	Tai xanh	Gia súc khác						
		Lợn nái, lợn đực giống						
		Lợn thương phẩm						
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò	38.275	93,9				
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn	700	0,1				
6	Viêm da nốt cục	Trâu, bò	110.134	38.07	73	2.844	227,52	
7	Đại động vật	Chó	2816					
		Mèo						
	Các bệnh khác như: Dịch tả lợn cổ điển, Phó thương hàn, Đông dậu lợn, Lép tò, Niu-cát-xon, Gumbolo...							
	Tổng:							

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2023

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	1.487.743	28				
		Vịt, ngan, ngỗng	1.782.323	80				
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	248.384	87				
		Lợn						
		Đê						
3	Tai xanh	Gia súc khác						
		Lợn nái, lợn đực giống	20.700					
		Lợn thương phẩm						
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò	35.635	85,93				
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn						
6	Viêm da nốt cục	Trâu, bò	37.513	12.97				
7	Đại động vật	Chó	13749	12				
		Mèo						
	Các bệnh khác như: Dịch tả lợn cổ điển, Phó thương hàn, Đông dậu lợn, Lép tò, Niu-cát-xon, Gumbolo...							
	Tổng:							

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2024

TT	Tên bệnh	Động vật cảm nhiễm	Số lượng được tiêm phòng (con)	Tỷ lệ tiêm phòng (%)	Số lượng tiêu hủy do dịch bệnh (con)	Khối lượng tiêu hủy do dịch bệnh (kg)	Ước tính thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh (triệu đồng)
1	Cúm gia cầm	Gà	5.712.435	86				
		Vịt, ngan, ngỗng	2.711.236	86				
		Gia cầm khác						
2	Lở mồm long móng	Trâu, bò	249.626	82				
		Lợn						
		Đê						
		Gia súc khác						
3	Tai xanh	Lợn nái, lợn đực giống						
		Lợn thương phẩm						
4	Tụ huyết trùng	Trâu, bò	36291	86,52				
		Lợn						
		Gia cầm						
5	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn						
6	Viêm da nổi cục	Trâu, bò	127.224	43,98				
7	Đại động vật	Chó	16348	14				
		Mèo						
	Các bệnh khác như: Dịch tả lợn cổ điển, Phó thương hàn, Đông dậu lợn, Lép tò, Niu-cát-xon, Gumbolo...							
	Tổng:		8.853.160					

Phụ lục V

TỔNG HỢP CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THUỶ SẢN GIAI ĐOẠN TỪ 01/7/2016 ĐẾN 31/12/2024

(kèm theo Báo cáo số ngày/...../.....2025 của UBND tỉnh Bình Định)

[illegible]

Phụ lục VI

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
TẠI CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ (từ tháng 01/7/2016 đến 31/12/2024)**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

**1. Số liệu kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn
cấp tỉnh từ tháng 01/7/2016 đến 31/12/2024**

TT	Đơn vị báo cáo	Loại động vật, sản phẩm động vật	Đơn vị tính	6 tháng cuối năm 2016	Ghi chú (TỔNG CỘNG)
I		Động vật			
1	Chi cục CN&TY Bình Định	Trâu, bò để thịt	con	15.368,0	180.907
2	Chi cục CN&TY Bình Định	Dê, cừu để thịt	con		-
3	Chi cục CN&TY Bình Định	Trâu, bò để làm giống	con	286	1.882
4	Chi cục CN&TY Bình Định	Dê, cừu để làm giống	con		-
5	Chi cục CN&TY Bình Định	Lợn thịt	con	380.111	5.456.580
		Heo con thịt		507.846	2.871.314
6	Chi cục CN&TY Bình Định	Lợn để làm giống	con	26.580	404.126
7	Chi cục CN&TY Bình Định	Gà thịt	con	899.758	10.882.664
8	Chi cục CN&TY Bình Định	Gà để làm giống	con	8.463.210	347.391.297
9	Chi cục CN&TY Bình Định	Vịt thịt	con	293.500	3.731.719
10	Chi cục CN&TY Bình Định	Vịt để làm giống	con		-

11	Chi cục CN&TY Bình Định	Loại khác	con		-
12	Chi cục CN&TY Bình Định	Số động vật được đánh dấu	con	42.234	579.506
					

II		Sản phẩm ĐV			
1	Chi cục CN&TY Bình Định	Thịt trâu, bò	kg		
2	Chi cục CN&TY Bình Định	Thịt dê, cừu	kg		
3	Chi cục CN&TY Bình Định	Thịt lợn	kg	141.631,5	6.704.155,5
4	Chi cục CN&TY Bình Định	Thịt gà	kg		-
5	Chi cục CN&TY Bình Định	Thịt vịt	kg	89.650,0	1.598.585,9
6	Chi cục CN&TY Bình Định	Thịt cá	kg		-
7	Chi cục CN&TY Bình Định	Loại thịt khác	kg		-
8	Chi cục CN&TY Bình Định	Dăm bông, xúc xích, nạm sườn...	kg	14.675,0	381.440,2
9	Chi cục CN&TY Bình Định	Sữa (Sữa bò Vinamill)	kg	1.776.868,0	35.901.505,2

10	Chi cục CN&TY Bình Định	Trứng giống	quả		-
11	Chi cục CN&TY Bình Định	Da trâu bò	Tầm	563.275,0	2.394.045,0
12	Chi cục CN&TY Bình Định	Loại khác	kg		
13	Chi cục CN&TY Bình Định	Lông, sừng, da, móng	kg Da bò	1.126.550,0	2.941.320,0

.....

2. Số liệu kiểm soát động vật, sản phẩm động vật trên cạn tại Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông từ tháng 01/7/2016 đến 31/12/2024

TT	Đơn vị báo cáo	Số trạm KD đầu mối hiện có (theo điều 40 của Luật Thú y)	Số cán bộ được cấp thẻ kiểm dịch	Loại động vật, sản phẩm động vật	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú (TỔNG CỘNG)
	Chi cục CN&TY Bình Định	1	8		8	8	
I				Động vật			
1	Chi cục CN&TY Bình Định			Trâu, bò để thịt	23.925	24167	495.040
2	Chi cục CN&TY Bình Định			Dê, cừu để thịt			-
3	Chi cục CN&TY Bình Định			Trâu, bò để làm giống	1.775	2823	9.265

4	Chi cục CN&TY Bình Định			Dê, cừu để làm giống			-
5	Chi cục CN&TY Bình Định			Lợn thịt	662.730	770.257	6.894.303
				Lợn con thịt	180.449	282.904	3.396.329
6	Chi cục CN&TY Bình Định			Lợn để làm giống	201.130	209.578	1.913.826
7	Chi cục CN&TY Bình Định			Gà thịt	1.349.410	985.860	13.306.937
8	Chi cục CN&TY Bình Định			Gà để làm giống	45.472.477	58.079.938	365.086.843
9	Chi cục CN&TY Bình Định			Vịt thịt	815.858	679.200	9.575.719
10	Chi cục CN&TY Bình Định			Vịt để làm giống			
11	Chi cục CN&TY Bình Định			Loại khác			

II Sản phẩm động vật

1	Chi cục CN&TY Bình Định			Thịt trâu, bò			
2	Chi cục CN&TY Bình Định			Thịt dê, cừu			
3	Chi cục CN&TY Bình Định			Thịt lợn	1.787.846	3.449.410	6.633.340
4	Chi cục CN&TY Bình Định			Thịt gà			-
5	Chi cục CN&TY Bình Định			Thịt vịt	98.060	130.400	1.553.761

6	Chi cục CN&TY Bình Định			Loại khác	157.786	406.593	2.580.097
7							

3. Số liệu kiểm dịch động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh từ tháng 01/7/2016 đến 31/12/2024

STT	Địa phương cấp GCN vận chuyển	Tên loài	Loại hàng	Đơn vị tính	Năm 2024	Ghi chú (TỔNG CỘNG)
	Chi cục CN&TY Bình Định	Post	Nuôi thịt	con	1316486257	40.466.634.916
	Chi cục CN&TY Bình Định	Nauplius	Ương giống	con	1.454.620.000	33.906.682.229

Phụ lục VII

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ SỞ GIẾT MỒ ĐỘNG VẬT ĐƯỢC CẤP MÃ SỐ TRÊN DẤU KIỂM SOÁT GIẾT MỒ CỦA CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tỉnh/ TP	Loại cơ sở giết mổ	6 tháng cuối năm 2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
	Bình Định	Cơ sở giết mổ động vật tập trung được cấp mã số kiểm soát giết mổ									
		Trâu/bò									
		Lợn			1	2	1	1	2	2	2
		Dê/cừu									
		Gia cầm	2	2	2	2	2	2	2	2	2
		Động vật khác (ngựa, lừa, la, thỏ)									
		Hỗn hợp					1	1	1	2	2
	Bình Định	Cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ được cấp mã số kiểm soát giết mổ									
		Trâu/bò	48	48	43	43	18	2	2	2	2
		Lợn	505	505	473	473	180	57	57	65	65
		Dê/cừu									
		Gia cầm	9	9	9	9	2				
		Động vật khác (ngựa, lừa, la, thỏ)									
		Hỗn hợp									
		Tổng cơ sở được cấp mã	564	564	528	529	204	63	64	73	73

BẢNG TỔNG HỢP VỀ SỐ LƯỢNG GIA SÚC, GIA CẦM ĐƯỢC KIỂM SOÁT GIẾT MỔ TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

Năm	Tỉnh/thành phố	Kết quả kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung									
		Trâu, bò		Lợn		Dê cừu		Gia cầm		ĐV khác	
		Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM	Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM	Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM	Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM	Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Từ 01/7/2016-2020				291.816	291.816						
2021				188.124	188.124			453.915	453.915		
2022				214.241	214.241			448.051	448.051		
2023		776	776	271.062	271.062			699.885	699.885		
2024		3.770	3.770	335.782	335.782			859.527	859.527		
Tổng		4.546	4.546	1.301.025	1.301.025	0	0	2.461.378	2.461.378	0	0
Năm	Tỉnh/thành phố	Kết quả kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ nhỏ lẻ									
		Trâu, bò		Lợn		Dê cừu		Gia cầm		ĐV khác	
		Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM	Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM	Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM	Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM	Số đầu con được GM	Số đầu con được KSGM
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Từ 01/7/2016-2020		83.220	46.047	1.533.000	733.341				1.991.920		
2021		20.805	445	383.250	10.230						
2022		20.805	4.219	383.250	16.683						
2023		20.805	5.297	273.750	10.883						
2024		20.805	4.749	273.750	19.105						
Tổng		166.440	60.757	2.847.000	790.242	0	0	0	1.991.920	0	0
Tỷ lệ % giết mổ có KSGM		0,365038452		0,277570074							

**BẢNG TỔNG HỢP VỀ SỐ LƯỢNG CƠ SỞ SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN
CẠN ĐƯỢC KIỂM SOÁT**

Năm	Số lượng cơ sở được kiểm soát (Số CSĐKS)				
	Tỉnh/thành phố	Tổng số	Số CSĐKS bởi cơ quan chuyên ngành thú y	Số CSĐKS bởi cơ quan khác	Tỷ lệ % Số CSĐKS bởi cơ quan khác/tổng cơ sở
6 tháng cuối năm 2016			564		
2017			564		
2018			528		
2019			529		
2020			204		
2021			63		
2022			64		
2023			73		
2024			73		
TỔNG		0	2.662	0	0

BẢNG TỔNG HỢP VỀ SỐ CƠ SỞ THUỘC DIỆN PHẢI KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y THEO QUY ĐỊNH

Tên cơ sở	Số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y				
	Từ 01/7/2016-2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
CSGMĐVTT	0	0	0	0	0
Cơ sở sơ chế, chế biến ĐV, SPĐV để kinh doanh	0	0	0	0	0
Cơ sở kinh doanh SPĐV	0	0	0	0	0
Cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật	0	1	4	1	3
Cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn CN có nguồn gốc ĐV và các SPĐV khác không sử dụng làm thực phẩm	0	0	0	0	0

Cấp Giấy Chứng nhận An toàn thực phẩm

Phụ lục VIII
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT ATTP ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN TẠI CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ (GIAI ĐOẠN TỪ 01/7/2016-2020, GIAI ĐOẠN 2021-2024)
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Số TT	Tỉnh/ thành phố	Năm	Loại mẫu sản phẩm động vật trên cạn	Tổng số mẫu đã xét nghiệm	Chỉ tiêu vi sinh vật			Chỉ tiêu tồn dư kháng sinh, chất cấm						Ghi chú
								Tồn dư kháng sinh			Sử dụng chất cấm (Salbutamol)			
					Số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt yêu cầu ATTP	Tỷ lệ (%)	Số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt yêu cầu ATTP	Tỷ lệ (%)	Số mẫu xét nghiệm	Số mẫu dương tính	Tỷ lệ (%)	
														Đối với phân chất cấm các đơn vị ghi chi tiết tên chất xét nghiệm
1	Bình Định	Giai đoạn từ 01/7/2016-2020		2386										
			Thịt gia súc, gia cầm	1075	810	37	6,1	0	0	0	265	0	0	
			Trứng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			Sữa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			Mật ong	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			Yến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			Khác	1311	43	0	0	1189	23	2	79	0	0	
		Giai đoạn 2021-2024		1223										
			Thịt gia súc, gia cầm	480	290	0	0	70	0	0	120	0	0	
			Trứng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			Sữa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			Mật ong	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			Yến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			Khác	743	50	0	0	643	42	6,5	50	0	0	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỆ SINH THỦ Y TẠI CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ (GIAI

STT	Tỉnh/Thành phố	Năm	Loại mẫu	Số lượng mẫu kiểm tra	Số mẫu đạt yêu cầu	Tỷ lệ %
		Giai đoạn từ 01/7/2016-2020	Môi trường			
			Mẫu lau bề mặt/dụng cụ giết mổ, chế biến			
			Nước sử dụng giết mổ, chế biến			
		Giai đoạn 2021-2024	Môi trường			
			Mẫu lau bề mặt/dụng cụ giết mổ, chế biến			
			Nước sử dụng giết mổ, chế biến			

Phụ lục IXa: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ THUỐC THÚ Y, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên TTHC	Tổng số lượng giấy phép đã cấp từ 01/7/2016 đến 31/12/2024	Trong đó số lượng giấy phép đã cấp										Tình hình thuốc thú y bị phát hiện vi phạm trên địa bàn tỉnh từ 01/7/2016 đến 31/12/2024			Tổng số lượng cửa hàng, đại lý, cơ sở buôn bán thuốc thú y hiện nay trên địa bàn tỉnh	Ghi chú
			Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số lượng giấy phép bị phát hiện vi phạm, thu hồi từ 01/7/2016 đến 31/12/2024	Số sản phẩm vi phạm	số lượng sản phẩm được kiểm tra/thanh tra	Số tiền phạt		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	280	15	18	17	24	15	17	65	73	36	0	38	141	195.000.000đ	236	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký).	1							1								
3	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	23	0	1	2	10	5	0	3	2	0						
Tổng		304	15	19	19	34	20	17	69	75	36						

Báo cáo:

1. Thuận lợi trong quá trình quản lý thuốc thú y trên địa bàn

- Luật thú y, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn thi hành về quản lý thuốc thú y của Trung ương cơ bản đầy đủ, kịp thời và phù hợp.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực thú y trên địa bàn toàn tỉnh.
- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức như: hội nghị, tập huấn,... về Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, ...Vì vậy, Các doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh thuốc thú y cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật.

2. Khó khăn trong quá trình quản lý thuốc thú y trên địa bàn

- Trong quá trình cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y, những công ty sản xuất thuốc thú y mở kho phân phối thuốc thú y tại các tỉnh thì trường hợp này có thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y không vì trong Luật Thú y không nói rõ những trường hợp này.
- Từ năm 2019 đến nay, hệ thống thú y ở cấp huyện bị đứt gãy, do hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y hình thành Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố, nên không còn cánh tay nối dài của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động quản lý thuốc thú y.

3. Kiến nghị, đề xuất sửa đổi trình tự, thủ tục hành chính liên quan đến trong quá trình quản lý thuốc thú y trên địa bàn

- Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung kịp thời những quy định chưa phù hợp tại các văn bản quy phạm pháp luật về buôn bán, sử dụng thuốc thú y.

Phụ lục X: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

[illegible]

Phụ lục XI
TỔNG SỐ CUỘC THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TỪ NGÀY
01/6/2016 ĐẾN 31/12/2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Nội dung	Kết quả thực hiện	Ghi chú
Kết quả Thanh tra:		
Tổng số cuộc thanh tra đã thực hiện, trong đó:	65	
<i>Số cuộc thanh tra theo Kế hoạch</i>	64	
<i>Số cuộc thanh tra đột xuất</i>	1	
Số cuộc đã ban hành kết luận	65	
Số tổ chức được thanh tra (chỉ tính đối tượng các cuộc đã ban hành kết luận)	900	
Số cá nhân được thanh tra (chỉ tính đối tượng các cuộc đã ban hành kết luận)	644	
Số tổ chức, cá nhân vi phạm	153	
Số quyết định xử phạt VPHC được ban hành, trong đó:	12	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực Phòng, chống dịch bệnh động vật (đồng)</i>	0	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực Kiểm dịch động vật (đồng)</i>	45.000.000	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực Kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y (đồng)</i>	0	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực Quản lý thuốc, hành nghề thú y (đồng)</i>	382.450.000	
<i>Bằng hình thức khác (số tổ chức, cá nhân)</i>	0	
Số vụ việc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra	0	
Số đối tượng chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra	0	
Xử lý sau Thanh tra:	0	
Số tiền xử phạt VPHC đã thu về NSNN (đồng)	427.450.000	
Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác	0	
Xử lý hình sự:	0	
<i>Số vụ đã khởi tố</i>	0	
<i>Số đối tượng đã khởi tố</i>	0	

Kết quả Kiểm tra:	0	
Tổng số cuộc kiểm tra đã thực hiện, trong đó:	2	
<i>Số cuộc kiểm tra theo Kế hoạch</i>	7	
<i>Số cuộc kiểm tra đột xuất</i>	0	
Số cuộc đã ban hành kết luận	7	
Số tổ chức được kiểm tra (chỉ tính đối tượng các cuộc đã ban hành kết luận)	928	
Số cá nhân được kiểm tra (chỉ tính đối tượng các cuộc đã ban hành kết luận)	33	
Số tổ chức, cá nhân vi phạm	2	
Số quyết định xử phạt VPHC được ban hành, trong đó:	2	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực Phòng, chống dịch bệnh động vật (đồng)</i>	0	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực Kiểm dịch động vật (đồng)</i>	0	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực Kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y (đồng)</i>	0	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực Quản lý thuốc, hành nghề thú y (đồng)</i>	26.000.000	
<i>Số tiền xử phạt lĩnh vực ATTP</i>	219.500.000	
<i>Bằng hình thức khác (số tổ chức, cá nhân)</i>	0	
Số vụ việc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra	0	
Số đối tượng chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra	0	
Xử lý sau Kiểm tra:	0	
Số tiền xử phạt VPHC đã thu về NSNN (đồng)	26.000.000	
Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác	0	
Xử lý hình sự:	0	
<i>Số vụ đã khởi tố</i>	0	
<i>Số đối tượng đã khởi tố</i>	0	

Phụ lục XII:
TỔ CHỨC THÚ Y ĐỊA PHƯƠNG
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nhóm vấn đề	Cấp tỉnh/thành phố				Cấp huyện/quận		Cấp xã/phường		Ghi chú
		Phòng	Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông	Đội kiểm dịch động vật lưu động	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật	Trạm Thú y/ Trạm chăn nuôi và Thú y	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	Số lượng xã/phường	Chế độ (lương/phụ cấp) VNĐ	
1	Tên gọi	Chi cục Chăn nuôi và Thú y				Trung tâm dịch vụ nông nghiệp		Nhân viên thú y cấp xã		
2	Cơ cấu tổ chức (Số lượng phòng/ trạm/đội/xã)	03 phòng	01 Trạm	0	01 Trạm	11 Trung tâm		145 xã phường		
3	Biên chế (số lượng công chức, viên chức, hợp đồng lao động)	16	8	0	6	47		145	Mức phụ cấp: 1,3 nhân (x) với mức lương cơ sở hiện hành và hỗ trợ BHYT	